



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Đầu tư số

56221000014

ngày 18 tháng 4 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2013748074 ngày 21 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Kiên Giang cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số

1701947619

ngày 17 tháng 2 năm 2014

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1701947619 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Xanh	Chủ tịch
Ông Phan Đăng Tuất	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Dũng	Thành viên
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên (từ ngày 31 tháng 8 năm 2023)
Ông Koo Liang Kwee	Thành viên (đến ngày 30 tháng 8 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Tùng	Quyền Giám đốc
Ông Trần Tuấn Anh	Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Đường D1, D2 - Khu Công nghiệp Thạnh Lộc
Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành
Tỉnh Kiên Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

1947
NG
PH
SÀI
N G
NH. T

120
H N
IG
KI
PH

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã thuyết minh đầy đủ về giá trị của giả định hoạt động liên tục và yếu tố không chắc chắn trọng yếu.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc 

Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc

Tỉnh Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2024

19-C
TY
AN
GON
ANG
.KIEN

12-
HÁ
TY
M
110



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Chúng tôi đã ký thỏa thuận kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		199.032.120.662	245.773.257.480
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	15.266.909.161	29.304.764.572
Tiền	111		15.266.909.161	29.304.764.572
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.371.704.121	103.655.675.970
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	157.892.406.176	160.330.655.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.121.695.961	7.029.193.024
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.573.960.336	4.388.349.835
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(68.216.358.352)	(68.092.522.352)
Hàng tồn kho	140	9	83.643.309.698	109.447.993.546
Hàng tồn kho	141		93.121.237.217	118.925.921.065
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.477.927.519)	(9.477.927.519)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.750.197.682	3.364.823.392
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.297.910.459	1.763.866.837
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.516.272	21.012.936
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(b)	1.450.770.951	1.579.943.619

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		693.903.791.612	790.860.857.881
Các khoản phải thu dài hạn	210		960.000.000	1.800.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		960.000.000	1.800.000.000
Tài sản cố định	220		544.894.186.754	606.278.452.537
Tài sản cố định hữu hình	221	10	543.605.709.226	604.924.955.469
Nguyên giá	222		1.024.899.886.535	1.023.639.991.641
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(481.294.177.309)	(418.715.036.172)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.288.477.528	1.353.497.068
Nguyên giá	228		1.696.095.495	1.696.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(407.617.967)	(342.598.427)
Bất động sản đầu tư	230	12	91.022.167.893	93.836.945.054
Nguyên giá	231		112.948.785.557	112.948.785.557
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.926.617.664)	(19.111.840.503)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.259.077.350
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	-	5.259.077.350
Tài sản dài hạn khác	260		57.027.436.965	83.686.382.940
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	56.059.817.558	82.729.449.173
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		886.399.807	886.399.807
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		81.219.600	70.533.960
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		892.935.912.274	1.036.634.115.361

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

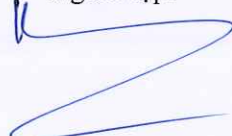
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.106.249.332.086	1.129.065.243.458
Nợ ngắn hạn	310		1.019.912.934.746	884.311.329.923
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	65.082.440.968	94.603.647.738
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.504.959.439	14.738.663.112
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(a)	561.143.036.062	418.677.996.293
Phải trả người lao động	314		4.222.570.588	5.484.906.861
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.977.003.509	5.114.855.699
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.496.515.552	1.746.515.552
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	9.578.646.669	10.204.739.220
Vay ngắn hạn	320	19(a)	362.256.642.509	323.287.556.767
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	9.799.829.231
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		651.119.450	652.619.450
Nợ dài hạn	330		86.336.397.340	244.753.913.535
Phải trả dài hạn khác	337		5.552.580.854	5.552.580.854
Vay dài hạn	338	19(b)	79.900.000.000	238.179.778.560
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		883.816.486	1.021.554.121
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		(213.313.419.812)	(92.431.128.097)
Vốn chủ sở hữu	410	20	(213.313.419.812)	(92.431.128.097)
Vốn cổ phần	411	21	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	14.690.799.990	14.690.799.990
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		345.665.312	453.665.312
Lỗi lũy kế	421		(343.373.311.476)	(222.599.074.087)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(222.602.061.952)	(84.075.414.487)
- Lỗi năm nay	421b		(120.771.249.524)	(138.523.659.600)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	20	23.426.362	23.480.688
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		892.935.912.274	1.036.634.115.361

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	504.847.181.872	692.449.616.735
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	497.718.777.770	666.935.652.837
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		7.128.404.102	25.513.963.898
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	60.319.483	24.795.779
Chi phí tài chính	22	27	55.888.625.662	59.279.269.750
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		55.749.968.150	59.279.269.750
Chi phí bán hàng	25	28	2.437.950.068	3.145.845.667
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	22.716.636.001	94.813.631.970
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(73.854.488.146)	(131.699.987.710)
Thu nhập khác	31		591.650.692	2.597.669.339
Chi phí khác	32	30	44.183.220.483	11.169.217.905
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(43.591.569.791)	(8.571.548.566)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(117.446.057.937)	(140.271.536.276)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.462.929.222	(1.609.826.897)
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(137.737.635)	(137.737.635)
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(120.771.249.524)	(138.523.971.744)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		(120.771.249.524)	(138.523.971.744)
Trong đó:				
Lỗ sau thuế của Công ty	61	20	(120.771.195.198)	(138.523.659.600)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	20	(54.326)	(312.144)

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ kế toán trước thuế	01	(117.446.057.937)	(140.271.536.276)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	67.014.996.765	68.122.071.349
Các khoản dự phòng	03	123.836.000	87.370.279.102
Lãi/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	307.794.299	(1.249.974.802)
Chi phí lãi vay	06	55.749.968.150	59.279.269.750
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	5.750.537.277	73.250.109.123
Biến động các khoản phải thu	09	7.148.805.181	68.867.753.537
Biến động hàng tồn kho	10	25.793.998.208	(40.502.297.316)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	93.889.159.375	220.518.648.454
Biến động chi phí trả trước	12	27.135.587.993	(56.407.838.181)
		159.718.088.034	265.726.375.617
Tiền lãi vay đã trả	14	(56.469.431.929)	(60.016.503.969)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(108.000.000)	(220.165.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	103.140.656.105	205.489.706.548
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(96.320.000)	(4.321.347.935)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.168.181.819	10.937.710.436
Tiền thu lãi tiền gửi	27	60.319.483	28.042.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.132.181.302	6.644.404.653

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	512.835.151.796	454.476.611.433
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(632.145.844.614)	(657.607.559.519)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(119.310.692.818)	(203.130.948.086)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(14.037.855.411)	9.003.163.115
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	29.304.764.572	20.301.601.457
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	15.266.909.161	29.304.764.572

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:


 Hà Thị Hoàn Hào
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:




 Hoàng Xuân Tùng
 Quyền Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn đồ uống; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Công ty có 1 công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	Đường 2, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Quản lý và cho thuê văn phòng và kho bãi; và cung cấp dịch vụ vận tải	99,83%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có 137 nhân viên (1/1/2023: 134 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Nhóm Công ty đã phát sinh lỗ thuần sau thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 120.771 triệu VND (2022: 138.524 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 820.881 triệu VND (1/1/2023: 638.538 triệu VND), nợ thuế quá hạn thanh toán là 508.572 triệu VND (1/1/2023: 353.211 triệu VND) và vốn chủ sở hữu âm 213.313 triệu VND (1/1/2023: 92.431 triệu VND). Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19).

Ban Giám đốc Công ty dự định thực hiện các kế hoạch nhằm xử lý tình hình này như sau:

1. Tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng để cung cấp hỗ trợ tài chính.
2. Đề xuất các giải pháp tăng doanh thu bằng cách hướng tới thị trường xuất khẩu, đặc biệt là thị trường Đông Nam Á.
3. Đàm phán với cơ quan Thuế để được hỗ trợ về việc chậm nộp thuế, đặc biệt là thuế tiêu thụ đặc biệt.
4. Hiện tại, Công ty đang có hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang (“VP Bank – Chi nhánh Kiên Giang”) với hạn mức tín dụng là 240.000 triệu VND dưới hình thức tín dụng ngắn hạn và kèm theo đó là hạn mức tín dụng chưa sử dụng là 26.030 triệu VND. Ngoài ra, Công ty đang trong quá trình đàm phán gia hạn khoản tín dụng dài hạn thêm 1 năm với Ngân hàng VP Bank – Chi nhánh Kiên Giang. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã được thông báo từ Ngân hàng VP – Chi nhánh Kiên Giang về việc gia hạn thời gian đáo hạn của khoản vay dài hạn thêm một năm với số tiền là 65.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Đàm phán với Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, một bên liên quan để tăng sản lượng được giao cho Bia Sài Gòn và gia hạn thời hạn tín dụng thanh toán nguyên vật liệu từ trả ngay lên 45 ngày. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã được Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn chấp thuận việc gia hạn thời hạn tín dụng, thời gian hỗ trợ có hiệu lực đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty tương đối tin rằng Nhóm Công ty sẽ nhận được sự hỗ trợ từ Ngân hàng VP Bank – Chi nhánh Kiên Giang, cơ quan Thuế và Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, một bên liên quan.

Tuy nhiên, những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính hợp nhất này không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại tài sản, hoặc giá trị và phân loại nợ phải trả có thể cần thiết trong trường hợp Nhóm Công ty không thể tiếp tục tồn tại.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 45 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	5 – 15 năm
▪ tài sản khác	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

17019
CÔNG
CỔ P
IA S
KIÊN

942
NH
3 T
PM
011

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (h) **Bất động sản đầu tư**
- (i) **Bất động sản đầu tư cho thuê**

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Đối với bất động sản đầu tư mua về trong giao dịch hợp nhất kinh doanh, nguyên giá là giá trị đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

- (ii) **Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

- (i) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Nhóm Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	528.230.955	1.320.770.386
Tiền gửi ngân hàng	11.238.678.206	27.983.994.186
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	-
	15.266.909.161	29.304.764.572

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam	136.894.969.201	132.730.511.458
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	13.331.321.348	15.170.889.800
Các khách hàng khác	7.666.115.627	12.429.254.205
	157.892.406.176	160.330.655.463

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – một bên liên quan	13.331.321.348	15.170.889.800

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Hơi Bão Hòa	2.170.618.801	2.928.394.996
Công ty TNHH Nhà máy KGB Việt Nam	-	2.239.990.823
Các nhà cung cấp khác	951.077.160	1.860.807.205
	3.121.695.961	7.029.193.024

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi trả chậm phải thu từ khách hàng	3.047.433.245	3.047.433.245
Ký quỹ ngắn hạn	218.260.000	218.260.000
Tạm ứng cho nhân viên	80.000.000	180.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.228.267.091	942.656.590
	4.573.960.336	4.388.349.835

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	137.226.931.201	(66.692.641.729)	70.534.289.472
Phải thu ngắn hạn khác	3.047.433.245	(1.523.716.623)	1.523.716.622
	<u>140.274.364.446</u>	<u>(68.216.358.352)</u>	<u>72.058.006.094</u>

	1/1/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	132.934.061.458	(66.568.805.729)	66.365.255.729
Phải thu ngắn hạn khác	3.047.433.245	(1.523.716.623)	1.523.716.622
	<u>135.981.494.703</u>	<u>(68.092.522.352)</u>	<u>67.888.972.351</u>

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	68.092.522.352	-
Trích lập dự phòng trong năm	123.836.000	68.092.522.352
Số dư cuối năm	<u>68.216.358.352</u>	<u>68.092.522.352</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	34.137.394.060	(7.478.100.478)	45.005.984.342	(7.478.100.478)
Công cụ và dụng cụ	34.987.550.096	(1.999.827.041)	34.976.622.944	(1.999.827.041)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.465.595.573	-	19.722.431.549	-
Thành phẩm	7.530.697.488	-	19.220.882.230	-
	<u>93.121.237.217</u>	<u>(9.477.927.519)</u>	<u>118.925.921.065</u>	<u>(9.477.927.519)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	9.477.927.519	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	9.477.927.519
Số dư cuối năm	<u>9.477.927.519</u>	<u>9.477.927.519</u>

Trong hàng tồn kho của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 9.478 triệu VND (1/1/2023: 9.478 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	246.984.681.963	689.165.432.291	41.007.321.117	45.402.743.088	1.079.813.182	1.023.639.991.641
Tăng trong năm	-	-	-	96.320.000	-	96.320.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.259.077.350	-	-	-	5.259.077.350
Thanh lý	-	-	(4.095.502.456)	-	-	(4.095.502.456)
Số dư cuối năm	246.984.681.963	694.424.509.641	36.911.818.661	45.499.063.088	1.079.813.182	1.024.899.886.535
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	60.826.856.426	304.649.348.151	24.169.842.936	28.332.544.433	736.444.226	418.715.036.172
Khấu hao trong năm	9.668.329.356	47.897.762.898	3.286.163.379	3.204.023.501	82.068.858	64.138.347.992
Thanh lý	-	-	(1.559.206.855)	-	-	(1.559.206.855)
Số dư cuối năm	70.495.185.782	352.547.111.049	25.896.799.460	31.536.567.934	818.513.084	481.294.177.309
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	186.157.825.537	384.516.084.140	16.837.478.181	17.070.198.655	343.368.956	604.924.955.469
Số dư cuối năm	176.489.496.181	341.877.398.592	11.015.019.201	13.962.495.154	261.300.098	543.605.709.226

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 50.000 triệu VND (1/1/2021: 49.564 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 977.614 triệu VND (1/1/2023: 980.760 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.038.400.000	657.695.495	1.696.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	342.598.427	342.598.427
Khấu hao trong năm	-	65.019.540	65.019.540
Số dư cuối năm	-	407.617.967	407.617.967
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	315.097.068	1.353.497.068
Số dư cuối năm	1.038.400.000	250.077.528	1.288.477.528

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có nguyên giá là 45 triệu VND (1/1/2023: không có) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 1.038 triệu VND (1/1/2023: 1.038 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	26.461.972.893	29.276.750.054
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.560.195.000	64.560.195.000
	91.022.167.893	93.836.945.054

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 77.964 triệu VND (1/1/2023: 77.964 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	48.388.590.557
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	19.111.840.503
Khấu hao trong năm	2.811.629.233
Điều chỉnh khác	3.147.928
Số dư cuối năm	21.926.617.664
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	29.276.750.054
Số dư cuối năm	26.461.972.893

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty tại Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	5.259.077.350	5.175.948.794
Tăng trong năm	-	83.128.556
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.259.077.350)	-
Số dư cuối năm	-	5.259.077.350

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	20.177.999.157	57.569.586.062	4.746.814.805	235.049.149	82.729.449.173
Tăng trong năm	-	-	2.866.343.327	59.149.852	2.925.493.179
Phân bổ trong năm	(518.959.354)	(22.071.320.676)	(6.739.012.920)	(265.831.844)	(29.595.124.794)
Số dư cuối năm	19.659.039.803	35.498.265.386	874.145.212	28.367.157	56.059.817.558

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	55.929.157.290	81.621.820.149
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	-	3.364.821.985
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	-	2.425.882.686
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	42.936.220
Các nhà cung cấp khác	9.153.283.678	7.148.186.698
	65.082.440.968	94.603.647.738

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các công ty liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	55.929.157.290	81.621.820.149
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam	551.828.970	839.934.592
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	-	42.936.220

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã bù trừ và được hoàn VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	25.315.175.011	94.544.167.055	(45.612.297.142)	(36.673.303.512)	-	-	37.573.741.412
Thuế tiêu thụ đặc biệt	393.355.621.282	480.583.996.247	(354.000.000.000)	-	-	-	519.939.617.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.462.929.222	-	(89.593.257)	-	-	3.373.335.965
Thuế thu nhập cá nhân	7.200.000	531.024.283	(483.244.953)	-	-	(40.579.411)	14.399.919
Các loại thuế khác	-	246.941.237	(6.000.000)	-	-	1.000.000	241.941.237
	418.677.996.293	579.369.058.044	(400.101.542.095)	(36.762.896.769)	-	(39.579.411)	561.143.036.062

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Phân loại từ thuế phải nộp VND	31/12/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.593.257	(89.593.257)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.490.350.362	-	(40.579.411)	1.449.770.951
Các loại thuế khác	-	-	1.000.000	1.000.000
	1.579.943.619	(89.593.257)	(39.579.411)	1.450.770.951

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	2.007.507.340	2.726.971.119
Chi phí phải trả khác	1.969.496.169	2.387.884.580
	<hr/>	<hr/>
	3.977.003.509	5.114.855.699

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	5.750.000.000	5.750.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.434.660.720	4.384.660.720
Phải trả ngắn hạn khác	393.985.949	70.078.500
	<hr/>	<hr/>
	9.578.646.669	10.204.739.220

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	195.024.971.523	512.835.151.796	(493.790.551.710)	214.069.571.609
Vay dài hạn đến hạn trả	128.262.585.244	148.187.070.900	(128.262.585.244)	148.187.070.900
	<u>323.287.556.767</u>	<u>661.022.222.696</u>	<u>(622.053.136.954)</u>	<u>362.256.642.509</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang - Khoản vay 1 (i)	VND	8,4% - 11,9%	214.069.571.609	195.024.971.523

- (i) Khoản vay ngắn hạn này có hạn mức tín dụng là 240.000 triệu VND và được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 19(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn	228.087.070.900	366.442.363.804
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(148.187.070.900)	(128.262.585.244)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	79.900.000.000	238.179.778.560
	<hr/>	<hr/>

Biến động vay dài hạn trong năm như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Số dư đầu năm	238.179.778.560	366.442.363.804
Số đã trả	(10.092.707.660)	-
Số chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(148.187.070.900)	(128.262.585.244)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	79.900.000.000	238.179.778.560
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
VPBank – Chi nhánh Kiên Giang					
- Khoản vay 2 (i)	VND	9,7% - 11,5%	2024 - 2026	228.087.070.900	365.984.270.900
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt	VND	10% - 13,1%	2023 - 2024	-	458.092.904
				<hr/>	<hr/>
				228.087.070.900	366.442.363.804
				<hr/>	<hr/>

- (i) Khoản vay 1 và khoản vay 2 từ VPBank – Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 977.614 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.964 triệu VND (1/1/2023: 980.760 triệu VND, 1.038 triệu VND và 77.964 triệu VND) (Thuyết minh 10, Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	115.000.000.000	14.690.799.990	615.665.312	(84.075.414.487)	23.792.832	46.254.843.647
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(138.523.659.600)	(312.144)	(138.523.971.744)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(162.000.000)	-	-	(162.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	115.000.000.000	14.690.799.990	453.665.312	(222.599.074.087)	23.480.688	(92.431.128.097)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(120.771.195.198)	(54.326)	(120.771.249.524)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(108.000.000)	-	-	(108.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(3.042.191)	-	(3.042.191)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	115.000.000.000	14.690.799.990	345.665.312	(343.373.311.476)	23.426.362	(213.313.419.812)



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.300.000	20%
Các cổ đông khác	9.200.000	80%
	11.500.000	100%

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê phải trả

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	876.000.000	918.542.466
Từ hai đến năm năm	439.200.000	-
	1.315.200.000	918.542.466

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	104.130	2.712.368.968	223.157	5.256.465.491
EUR	411	4.810.836	427	10.588.251
		2.717.179.804		5.267.053.742

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	484.126.735.708	655.725.356.211
▪ Doanh thu cho thuê	8.569.078.471	7.504.734.276
▪ Doanh thu gia công bia	5.887.384.415	6.703.425.696
▪ Bán thùng và vỏ lon	3.703.704	99.246.875
▪ Bán kết và vỏ chai	648.700	6.430.064.477
▪ Cung cấp dịch vụ vận tải	-	3.576.091.220
▪ Doanh thu khác	6.259.630.874	12.410.697.980
	504.847.181.872	692.449.616.735

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	475.777.806.563	613.765.204.712
▪ Chi phí khấu hao và phân bổ ghi nhận vào giá vốn do hoạt động dưới công suất thiết kế	16.480.204.486	15.791.493.760
▪ Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê	2.899.753.902	2.907.061.386
▪ Chi phí gia công bia	1.750.804.270	3.404.836.495
▪ Chi phí vỏ chai kết phân bổ	-	11.035.660.336
▪ Dự phòng hàng tồn kho	-	9.477.927.519
▪ Dịch vụ vận tải đã cung cấp	-	5.232.299.179
▪ Giá vốn khác	810.208.549	5.321.169.450
	497.718.777.770	666.935.652.837

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	60.319.483	24.795.779
	60.319.483	24.795.779

27. Chi phí tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	55.749.968.150	59.279.269.750
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	138.657.512	-
	55.888.625.662	59.279.269.750

28. Chi phí bán hàng

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	-	114.426.667
Chi phí khấu hao và phân bổ	427.338.469	458.715.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	879.739.110	1.930.809.174
Chi phí bán hàng khác	1.130.872.489	641.894.464
	2.437.950.068	3.145.845.667

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.040.042.273	7.469.898.937
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	123.836.000	68.092.522.352
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.741.275.793	4.556.848.870
Thuế, phí và lệ phí	147.162.811	154.169.639
Chi phí công cụ, dụng cụ	518.375.660	634.519.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.889.591	1.413.878.514
Chi phí quản lý khác	10.052.053.873	12.491.793.705
	<hr/>	<hr/>
	22.716.636.001	94.813.631.970
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí khác

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí phân bổ bao bì luân chuyển	22.071.320.676	-
Chi phí lãi phạt chậm nộp thuế	19.991.923.848	9.799.829.231
Chi phí khác	2.119.975.959	1.369.388.674
	<hr/>	<hr/>
	44.183.220.483	11.169.217.905
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	379.372.070.603	546.624.331.699
Chi phí khấu hao và phân bổ	67.014.996.765	68.122.071.349
Chi phí nhân công và nhân viên	21.418.294.849	19.876.735.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.063.761.825	23.829.114.578
Chi phí khác	33.004.239.797	106.442.876.979
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	3.462.929.222	(1.609.826.897)
	3.462.929.222	(1.609.826.897)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(137.737.635)	(137.737.635)
	3.325.191.587	(1.747.564.532)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(117.446.057.937)	(140.271.536.276)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(11.744.605.794)	(14.027.153.628)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.683.371.849	1.600.754.754
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế và đối với công ty con	(5.907.460.676)	(741.697.483)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	14.830.956.986	13.030.358.722
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	3.462.929.222	(1.609.826.897)
	3.325.191.587	(1.747.564.532)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	166.293.283.050	22.041.242.219	128.583.288.953	15.410.927.886
Lỗ tính thuế	156.431.093.136	18.748.535.015	88.191.086.114	10.547.892.362
	322.724.376.186	40.789.777.234	216.774.375.067	25.958.820.248

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	13.657.035.711
2026	Chưa quyết toán	16.235.062.425
2027	Chưa quyết toán	57.192.751.993
2028	Chưa quyết toán	69.346.243.007
		156.431.093.136

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ tiếp theo VND
2025	32.837.757.741
2026	37.055.991.454
2027	58.689.539.758
2028	37.709.994.097
	166.293.283.050

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(ii) Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang (“Công ty con”)

Theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động (2015 – 2029). Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2015 – 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2019 – 2027).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



12-
HÀ
T
M
10

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	879.692.460.419	1.135.118.699.456
Mua nguyên vật liệu	325.009.703.446	427.522.782.574
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Cho thuê kho	4.191.637.056	4.191.637.056
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC - Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	2.630.326.446	3.819.297.193
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thủ lao</i>		
Ông Lê Hồng Xanh – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Phan Đăng Tuất – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trí Dũng – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Koo Liang Kwee – Thành viên	80.000.000	70.000.000
Ông Teo Hong Keng – Thành viên	-	50.000.000
Ông Lê Văn Thập – Thành viên	-	47.885.000
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	40.000.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.365.400.000	1.347.922.393
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thủ lao</i>		
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Trưởng ban Kiểm soát (từ ngày 2 tháng 6 năm 2022)	240.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều – Thành viên	15.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Trưởng ban Kiểm soát (đến ngày 6 tháng 4 năm 2022)	-	63.846.153

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Hoàng Xuân Tùng
Quyền Giám đốc

